

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/02/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Mạnh Thức

Ông Đỗ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số:/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị G, sinh năm 1980(xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, huyện LN, tỉnh B.

Hiện nay đang lao động tại Đài Loan.

Địa chỉ ở Đài Loan: 278-1 Fu chien Rd. Fu Hsiang Chang Hua. Hsien TaiWan R.O.C 506.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Dương Ngọc Tuấn, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn Nội Đình, xã Yên Sơn, huyện LN, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, huyện LN, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị G trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn thì chị và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lan Mẫu, huyện LN, tỉnh B ngày 01/12/1988. Sau khi kết hôn thì chị về làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng lâu dần thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan. Khi mới sang vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/ 2007. Hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ. Sau khi ly hôn cháu Hải đã trưởng thành chị không có ý kiến gì, chị tôn trọng quyền tự do của cháu còn cháu Tú Anh chị đồng ý để anh Đ nuôi dưỡng khi chị không có nhà. Về cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn là anh Đ có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình chung sống và điều kiện kết hôn như chị G trình bày là đúng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Khoảng năm 2004 chị G đi nước ngoài, đến năm 2009 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng hơn, không còn liên lạc với nhau nữa và ly thân từ đó đến nay.

Nay anh thấy cũng không còn tình cảm gì với chị Đặng Thị G, tuy nhiên trường hợp chị G muốn ly hôn thì anh đề nghị với chị sau khi giải quyết vụ án này chị G không có bất kỳ tranh chấp nào về tài sản với anh thì anh mới đồng ý ly hôn. Tài sản của ai người ấy hưởng. Còn nếu chị G tranh chấp về tài sản thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị G có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/ 2007. Hiện nay hai con chung đang ở với anh. Sau khi ly hôn cháu Hải đã trưởng thành anh không có ý kiến gì, còn cháu Tú Anh, chị G đồng ý để anh nuôi dưỡng khi chị G không có nhà nên anh đồng ý. Về cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị G không có tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Nguyễn Tú Anh có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ và chị G xin vắng mặt, không có quan điểm gì

khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy Đ của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy Đ của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị G và anh Đ được ly hôn

Về con chung: Do chị G đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Tú Anh, sinh ngày 16/04/ 2007 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: Các đương sự yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị G là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan. Địa chỉ: 278-1 Fu chien Rd. Fu Hsiang Chang Hua. Hsien TaiWan R.O.C 506 có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ. Bị đơn anh Đ là người Việt Nam, sinh sống ở địa chỉ: thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, huyện LN, tỉnh B. Từ các nội dung trên, HĐXX xác Đ: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy Đ tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy Đ tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Đ và chị G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh

hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 điểm a, b, khoản 1, Điều 238 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ và chị G.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử thấy: chị G và anh Đ có được tự do tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lan Mẫu, huyện LN, tỉnh B ngày 01/12/1988. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng lâu dần thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan. Khi mới sang vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị G ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện nay anh chị mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy Đ tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Đ và chị G đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy Đ đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đặng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/ 2007. Xét đề nghị nuôi con chung của chị G, HĐXX thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1999 đã trưởng thành chị G không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị G không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, chị G đồng ý để anh Đ nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/ 2007 anh Đ cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Hiện nay con chung đang ở ổn Đ với anh Đ, cháu Tú Anh cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 01 con chung là Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/ 2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy Đ của pháp luật. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy Đ tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị G về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy Đ tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Đặng Thị G trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. anh Đ trình bày anh đề nghị từ khi giải quyết vụ án này về sau chị G không có bất kỳ tranh chấp nào về tài sản với anh thì anh mới đồng ý ly hôn. Tài sản của ai người đó hưởng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Đ cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và Tòa án chưa thụ lý. Do vậy, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản các đương sự có thể tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết. Trường hợp có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy Đ tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy Đ tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm a, b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy Đ mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ
2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Tú Anh sinh ngày 16/04/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy Đ của pháp luật. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy Đ tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị G về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy Đ tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000172 ngày 01/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Đặng Thị G hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy Đ của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy Đ của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND xã Lan Mẫu, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương